



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 137/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 22/01/2025 Trang/ Page: 1/2
1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI EUROPLAST LONG AN Xã Mỹ Thạnh Bắc, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An.	
2. Địa chỉ kiểm tra: Place of inspecting:	PTN - ETSC	
3. Đối tượng kiểm tra: Type of inspecting:	Sào thao tác trung thế/ Medium voltage insulation pole	
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: Quantity/Installation location:	01 thiết bị/ 01 Devices; Di động ngoài công trường/ Mobile off-site	
5. Phương pháp kiểm tra: Method of inspecting:	ETSC/KĐ/QT-06; QCVN QTD-5: 2009/BCT; TCVN 9628-1:2013; TCVN 5587:2008 (IEC 60855:1985); Tài liệu kỹ thuật NSX	
6. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	20-21/01/2025	
7. Thông số kỹ thuật: Specification:	Loại/ Type: HS-175-3 Số chế tạo / Seri No 102936 Điện áp sử dụng/ AC. Use voltage: 35 kV Chiều dài/ Length: 3.820mm Tiết diện/ Section: (38+34+30)mm ² Năm sản xuất/ Date of manufacture: 03/2019 Nhà sản xuất/ Manufacture: SEW - Taiwan	
8. Phương tiện kiểm tra: Inspecting equipment:	Kyoritsu 3125A; DTE 70/50; HZXC-10HZJ.	
9. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	(32 ± 2) °C ; (60 ± 5) % RH	
10. Kết quả kiểm tra: Inspecting result:	Xem trang sau See next page	
11. Tem kiểm tra: Testing stamp No:	65/25/ETSC	
12. Kết luận Conclusion	Các chỉ tiêu kiểm tra phù hợp theo quy định/ The inspection criteria are consistent with the regulations	
13. Thời hạn kiểm tra lần sau: Next test date	01/2026	
Người Thực Hiện Executor	Trần Văn Minh Nguyễn Quốc Hoàn	





Số/ Mã: 137/2025/KT-ETSC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA
EXAMINATION REPORT

Ngày/ Date: 22/01/2025

Trang/ Page: 2/2

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra tình trạng bên ngoài/ Check out the outside condition: Bình thường/ Normal

10.2 Kiểm tra kích thước hình học/ Check geometric dimensions:

Stt No	Đối tượng Object	Đơn vị Unit	Công bố của nhà sản xuất Manufacturer's announcement	Kết quả Result
1	Chiều dài sào/ Length	mm	3.820	3.820
2	Đường kính/ Diameter			
	- Đoạn 1/ Line 1	mm	38	38,11
	- Đoạn 2/ Line 2	mm	34	34,15
	- Đoạn 3/ Line 3	mm	30	30,17

10.3 Điện trở cách điện/ Insulation resistance:

Đối tượng Object	Trước khi thử cao thế/ Before trying so high (MΩ)	Sau khi thử cao thế/ After trying so high (MΩ)	Đánh giá Evaluate
Pha A-Vô (Case)	> 50 000	> 50 000	Đạt/ Pass

10.4 Điện áp xoay chiều tần số công nghiệp/ Industrial frequency alternating voltage:

Đối tượng Object	U (kV)	t (minutes)	Mức quy định Standard level	Kết quả Result
Phase A-Vô (Case)	100kV/30cm	5	Chịu được/ Pass	Không phóng điện/ No discharge inspection